

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



Tháng 4/2019

8

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN HIPT	3
1. Giới thiệu công ty	3
2. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động	3
3. Định hướng phát triển.....	3
4. Mô hình tổ chức.....	3
5. Bộ máy quản lý.....	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	5
1. Hoạt động kinh doanh.....	5
2. Hoạt động quản trị vận hành.....	6
3. Tình hình tài chính.....	7
4. Cơ cấu cổ đông.....	9
5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch	9
III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	10
1. Đánh giá về kết quả hoạt động năm 2018.....	10
2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc	10
IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY	10
V. TRÍCH LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2017	11

PH
H
H

I. TỔNG QUAN HIPT

1. Giới thiệu công ty

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
- Tên tiếng Anh: HIPT Group Joint Stock Company
- Tên viết tắt: HIPT Group., JSC
- Mã chứng khoán: HIG – Sàn giao dịch UpCom
- Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN

2. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Lĩnh vực hoạt động:

- Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin: Tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm, cung cấp thiết bị tin học.
- Cung cấp dịch vụ CNTT: Đào tạo và chuyển giao công nghệ; Bảo trì thiết bị Công nghệ thông tin.

b. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

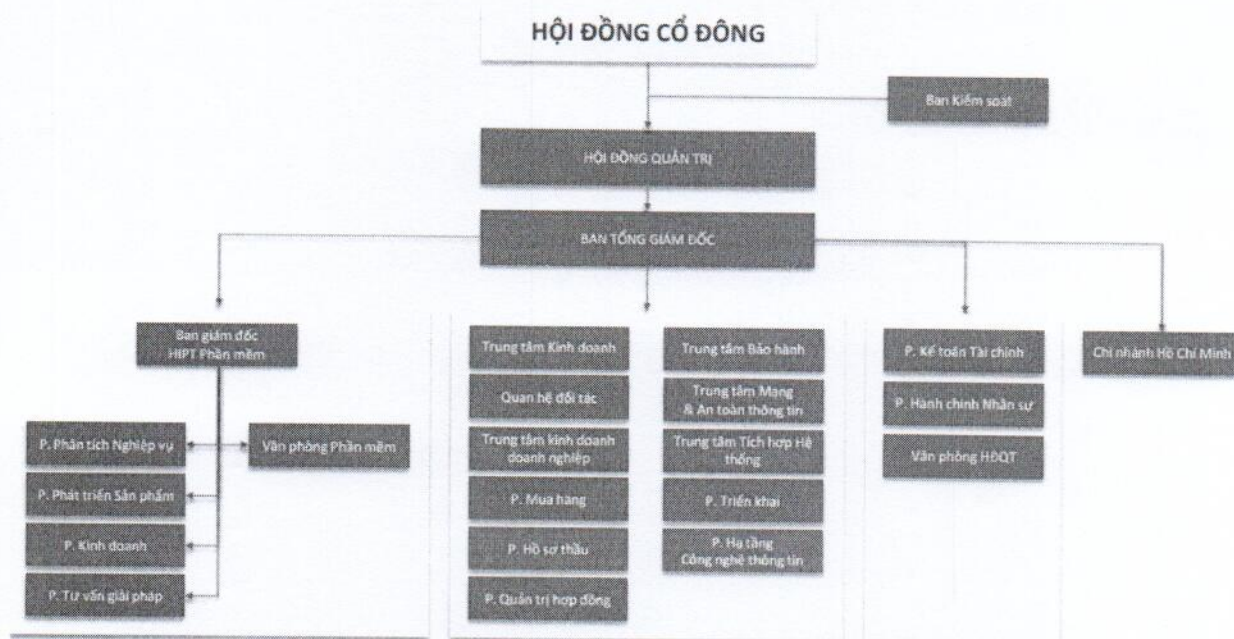
3. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu:** Xây dựng công ty thành một tập đoàn kinh tế hùng mạnh, trở thành một trong những công ty cung cấp giải pháp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực tích hợp hệ thống và xây dựng, triển khai các hệ thống tin tổng thể cho Cơ sở dữ liệu lớn.
- **Thị trường - Sản phẩm – dịch vụ:** HiPT không ngừng nỗ lực mở rộng thị trường rộng khắp, mang lại dịch vụ và sản phẩm cho hầu hết khách hàng ở các mảng thị trường tài chính công, chính phủ, ngân hàng, bảo hiểm, doanh nghiệp, giáo dục, y tế, viễn thông...
- **Quản trị doanh nghiệp**
 - o **Tổ chức vận hành:** Tinh giản mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động, phát triển lực lượng lao động Công nghệ thông tin có trình độ chuyên môn cao và đội ngũ kinh doanh mạnh mẽ.
 - o **Quản lý tài chính:** Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, tăng cường cắt giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản doanh nghiệp.
 - o **Quản lý đầu tư:** Tăng cường giám sát hiệu quả các dự án đầu tư.

4. Mô hình tổ chức

Mô hình tổ chức năm 2018 tập trung toàn lực cho việc tăng trưởng kinh doanh dự án và kinh doanh phần mềm trong lĩnh vực cốt lõi là Cung cấp, tích hợp giải pháp và sản phẩm CNTT cho các hệ thống lớn đồng thời đánh giá lại về chất lượng nhân lực trên toàn hệ thống để có

được đội ngũ chất lượng và đoàn kết trên cơ sở các hoạt động chuyên nghiệp, thực chất và minh bạch.



- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp giải pháp và thiết bị công nghệ thông tin.

5. Bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên:

- Ông Lê Hải Đoàn – Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Văn Mai - Ủy viên HĐQT
- Ông Vladislavs Savkins - Ủy viên HĐQT
- Ông David Đỗ - Ủy viên HĐQT
- Bà Lê Thị Thanh Châu - Ủy viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc gồm 5 thành viên:

- Ông Võ Văn Mai – Tổng Giám đốc
- Ông Lê Hải Đoàn – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Thanh Phúc – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đặng Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Thành – Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Minh – Trưởng Ban
- Bà Vũ Thị Việt Hà - Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Ủy viên

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Hoạt động kinh doanh

1.1. Số liệu kết quả kinh doanh

Doanh thu đạt 721 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,5 tỷ đồng.

Doanh thu năm 2018 tăng trên 10% nhưng lợi nhuận giảm trên 10% so với năm 2017 là do chi phí bán hàng năm 2018 tăng cao đồng thời các khoản thu từ hoạt động tài chính giảm so với năm 2017.

Các dự án của Công ty trong năm 2018 và cuối năm 2017 chuyển sang đều yêu cầu một nguồn tài chính lớn để đặt hàng đầu vào trong khi việc thanh quyết toán với chủ đầu tư, trong nhiều trường hợp gặp khó khăn hoặc có thời gian công nợ lớn.

1.2. Phát triển thị trường

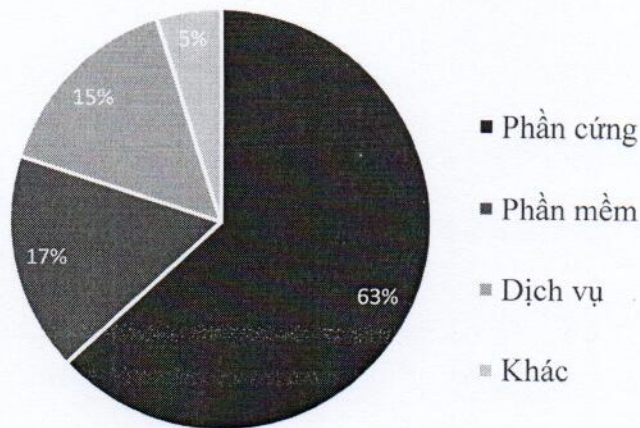
Năm 2018, HIPT tiếp tục tập trung vào lĩnh vực Cung cấp giải pháp CNTT, Phần mềm HIPT, Dịch vụ tích hợp hệ thống HIPT. Bằng kinh nghiệm và chất lượng sản phẩm, dịch vụ, HIPT luôn nhận được sự tin tưởng của nhiều khách hàng, đối tác lớn.

Năm 2018, HIPT đã tiếp nhận và thực hiện một số dự án có giá trị lớn tại Bộ tài chính, Trung tâm thông tin tin dụng quốc gia, Sở thông tin truyền thông, Ngân hàng Nhà nước.... Một số bộ, ngành khác, việc đưa chính sách đầu tư vào thực tế áp dụng vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều dự án lớn HIPT đang theo đuổi trong năm 2018 bị kéo dài thời gian thực hiện hoặc thay đổi thời hạn đầu tư. Điều này khiến lợi nhuận bị ảnh hưởng và chưa đạt được như kì vọng.

Mạng khách hàng Doanh nghiệp trong những năm gần đây luôn đóng góp một tỷ trọng lớn trên tổng doanh số cho HIPT. Trong năm 2018, HIPT đã xây dựng được uy tín cao đối với một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn như Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Cổ phần điện ảnh Truyền hình, Đài truyền hình Việt Nam VTV, Hàng không Việt Nam, Tập đoàn FLC, Đặc biệt, HIPT đang là một trong số ít các doanh nghiệp SI có năng lực và kinh nghiệm vững trong lĩnh vực giải pháp cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Truyền thông.

Đối với mạng khách hàng Tài chính – Ngân hàng: Cùng với sự gia tăng áp lực cạnh tranh từ các đối thủ, nhiều khách hàng có chủ trương cắt giảm và chậm đầu tư dẫn tới việc sụt giảm doanh thu năm 2018 trong lĩnh vực này.

Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm 2018



Song song với việc tiếp tục tập trung lĩnh vực tích hợp hệ thống cốt lõi, HIPT tiếp tục đầu tư nghiên cứu những mảng nhận được nhiều sự quan tâm từ xã hội như Thành phố thông minh, Giao thông thông minh, Y tế, Môi trường, Nông nghiệp sạch...

2. Hoạt động quản trị vận hành

2.1. Tổ chức – vận hành

Năm 2018, HIPT thay đổi mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, tăng cường quản lý trực tiếp từ các thành viên Ban Tổng giám đốc. Mô hình mới giúp HIPT giảm thiểu chi phí quản lý cũng như tăng cường sự sát sao trong giám sát, điều hành hoạt động kinh doanh. Đáng kể là việc thành lập Trung tâm kinh doanh doanh nghiệp để đẩy mạnh việc tìm kiếm và khai thác các khách hàng mới. Đồng thời, đẩy mạnh việc kinh doanh giải pháp phần mềm do Công ty TNHH HIPT Phần mềm thực hiện.

2.2. Nhân sự

Số lượng nhân sự tại thời điểm 31/12/2018 là 182 người, giảm 9% so với cuối năm 2017.

Với mục tiêu tinh gọn hoạt động, giảm thiểu chi phí vận hành, Ban điều hành mới của HIPT chủ trương trực tiếp tham gia điều hành vào phần lớn các hoạt động kinh doanh, vận hành, giảm thiểu các bước, bộ phận trung gian. Ngoài ra, chương trình đánh giá hiệu quả nhân sự cũng đã được thực hiện sát sao, thực tế hơn, tính sàng lọc cao hơn.

Năm 2018, việc trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo cấp trung cũng được chú trọng. Nhiều nhân sự trẻ có năng lực đã được tin tưởng, bổ nhiệm vào các vị trí trưởng bộ phận của Công ty.

2.3. Quản lý tài chính

HIPT Tiếp tục duy trì và phát huy hệ thống tài chính kế toán chuẩn mực, tuân thủ theo pháp luật và được kiểm toán theo các tiêu chuẩn quốc tế bởi các đơn vị kiểm toán chuyên nghiệp.

Giữ vững uy tín và xếp hạng tín nhiệm với các ngân hàng đang hợp tác, sử dụng hiệu quả nguồn vay.

Áp dụng hiệu quả các ứng dụng CNTT trong hoạt động như sử dụng chữ ký điện tử, ngân hàng điện tử, kê khai thuế, hải quan qua mạng internet.

2.4. Hoạt động thương hiệu, truyền thông

Các hoạt động truyền thông, hoạt động văn hóa nội bộ trong HIPT tiếp tục được duy trì.

Các hoạt động đối ngoại, tiếp xúc, giao lưu với khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng, các đối tác công nghệ, phục vụ trực tiếp hiệu quả kinh doanh được chú trọng hơn.

Năm 2018, HIPT là 1 trong 10 doanh nghiệp đầu tiên được nhận danh hiệu “TOP 10 doanh nghiệp thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch trên thị trường chứng khoán” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội bình chọn.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Đánh giá
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lãi gộp/Doanh thu	11,16%	12,13%	- Mặc dù doanh thu năm 2018 tăng nhưng giá vốn tăng tỉ lệ cao hơn tỉ lệ tăng doanh thu vì vậy dẫn đến việc tỉ suất lãi gộp/doanh thu năm 2018 giảm so với năm 2017. - Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và chi phí tài chính năm 2018 tăng mạnh vì vậy dẫn đến tỉ suất Lợi nhuận/ Doanh thu giảm so với năm 2017.
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	0,45%	0,64%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	0,21%	0,31%	

Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	2,1	1,12	Hệ số thanh toán năm 2018 tăng so với năm 2017 và lớn hơn 1 chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty năm 2018 trong tình trạng tốt.
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,86	1,01	
Khả năng hoàn vốn			
ROA (tỷ lệ hoàn vốn/tổng TS bình quân)	0,26%	0,22%	Do tổng tài sản và lợi nhuận năm 2018 giảm nên ROA tăng, ROE giảm.
ROE (tỷ lệ hoàn vốn/Vốn CSH bình quân)	0,47%	0,56%	
Hệ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay phải thu Khách hàng	2,35	4,56	Vòng quay phải thu khách hàng giảm và số ngày công nợ phải thu tăng chứng tỏ công ty đang có tốc độ thu hồi công nợ chậm.
Số ngày công nợ phải thu	155	79	
Vòng quay hàng tồn kho	11	9,65	Năm 2018, vòng quay hàng tồn kho tăng và số ngày hàng tồn kho giảm so với năm 2017, công ty luân chuyển hàng tồn kho tốt hơn.
Số ngày hàng tồn kho	33	37	
Các chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ (Nợ phải trả/Vốn CSH)	0,8	1,59	Hệ số nợ giảm chứng tỏ công ty năm 2018 công ty ít sử dụng vốn vay ngân hàng hơn năm 2017.

Hệ số tự tài trợ (Vốn CSH/Tổng tài sản)	0,56	0,39	Hệ số tự tài trợ năm 2018 tăng so với năm 2017 công ty chủ động được nguồn vốn tron kinh doanh.
---	------	------	---

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cổ phần

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 22.559.030 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20,619,187 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 1,939,843 cổ phần

4.2. Cơ cấu cổ đông

- Cơ cấu cổ đông:

	Cá nhân	Tổ chức	Ghi chú
Cổ đông nhà nước: Không có cổ đông nhà nước			
Cổ đông trong nước			
Số lượng cổ đông	760	8	Trong đó có 3 cổ đông lớn là: 1. Ông Lê Hải Đoàn, sở hữu 4.155.555 cổ phần, chiếm 18,42%. 2. Tập đoàn Bảo Việt, sở hữu 1.987.031 cổ phần, chiếm 9,64%. 3. Ông Võ Văn Mai, sở hữu 1.663.947 cổ phần, chiếm 8,07%.
Số lượng cổ phần sở hữu	11.838.641	5.161.386	
Tỷ lệ nắm giữ (%)	52,48	22,88	
Cổ đông nước ngoài			
Số lượng cổ đông	3	5	Trong đó có 2 cổ đông lớn là: 1. Sokol holding Corp, sở hữu 3.150.000 cổ phần, chiếm 15,28%. 2. VI Fund, sở hữu 1.346.290 cổ phần, chiếm 5,97%.
Số lượng cổ phần sở hữu	3.007	5.555.996	
Tỷ lệ nắm giữ (%)	0,01	24,63	

5. **Giao dịch cổ phiếu Quỹ:** Tháng 10/2018, Công ty đã sử dụng 964.000 cổ phần để thưởng cho cán bộ nhân viên.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về kết quả hoạt động năm 2018

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- Năm 2018, doanh thu đạt 721 tỷ đồng trong đó doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh chính chiếm 70% (đạt 80% so với kế hoạch).
- Quan hệ với các đối tác chiến lược đang gặp khó khăn do nhiều nguyên nhân khách quan (đối tác thay đổi chiến lược).

1.2. Hoạt động quản trị doanh nghiệp

Với lịch sử hai mươi lăm năm hình thành và phát triển, HiPT đã gặt hái được những thành công nhất định, khẳng định được vị thế lớn mạnh của mình trên bản đồ CNTT Việt Nam.

Việc ổn định nhân sự cấp cao trong Công ty trong năm vừa qua tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của HiPT. Bên cạnh đó những quyết sách của nhân sự cấp cao nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính hiệu quả, tái cơ cấu mô hình tổ chức cũng đã mang lại hiệu quả kinh doanh và tài chính thiết thực cho HiPT.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành Công ty một cách thận trọng, chủ động, công khai minh bạch, đáp ứng được các yêu cầu thực tế của kinh doanh và quản trị Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai kịp thời, nghiêm túc và hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, thực hiện đổi mới mô hình tổ chức và phương thức quản trị, bước đầu mang lại những kết quả khả quan trong việc quản lý, điều hành và trong hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty; Chủ động, sáng tạo, cẩn trọng trong công tác điều hành tổ chức hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được giao; Thực hiện triệt để và nghiêm túc công tác quản trị chi phí, góp phần nâng cao lợi nhuận sau thuế cho Công ty.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch	4.188.955	20,32	
2	Ông Võ Văn Mai	Ủy viên	1.663.947	8,07	
3	Sokol Holding Corp Người đại diện: Ông Vladislavs Savkins	Ủy viên	3.150.000	15,28	
4	Tập đoàn Bảo Việt Người đại diện: Bà Lê Thị Thanh Châu	Ủy viên	1.987.031	9,64	Ủy viên HĐQT từ ngày 20/04/2018, thay Ông Trịnh Minh Hoàng.
5	VI Group Người đại diện: Ông David Đỗ	Ủy viên	2.218.496	10,76	
BAN KIỂM SOÁT					
1	Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng Ban	5,960	0.03	
2	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên	-	-	
3	Bà Vũ Thị Việt Hà	Ủy viên	-	-	Ủy viên Ban Kiểm soát từ ngày 20/04/2018 thay Bà Đinh Thị Huyền Trang.
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC					
1	Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	1.663.947	8,07	
2	Ông Lê Hải Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	4.188.955	20,32	
3	Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	250.000	1,21	
4	Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	120.463	0,58	
5	Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	-	-	
6	Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	71,250	0,35	

V. TRÍCH LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		536.358.777.227	586.822.987.966
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	99.367.830.421	115.385.536.635
Tiền	111		34.829.170.421	50.485.536.635
Các khoản tương đương tiền	112		64.538.660.000	64.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		107.035.157	616.269.872
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		107.035.157	616.269.872
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306.965.050.490	336.484.102.325
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	202.026.480.885	163.659.811.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	12.749.585.107	18.802.087.994
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng dịch vụ	134	6	42.402.839.818	121.704.251.435
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	54.536.306.746	33.489.250.224
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(4.750.162.066)	(1.171.299.018)
Hàng tồn kho	140	9	56.069.257.556	61.062.814.983
Hàng tồn kho	141		57.128.039.241	61.529.205.114
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.058.781.685)	(466.390.131)
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.849.603.603	73.274.264.151
Thuế GTGT được khấu trừ	152		709.367.382	193.692.817
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.140.236.221	1.080.571.334
Tài sản ngắn hạn khác	155	10	72.000.000.000	72.000.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.884.537.374	271.477.089.439
Các khoản phải thu dài hạn	210		176.400.000	401.837.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	176.400.000	401.837.000
Tài sản cố định	220		15.364.504.457	14.029.384.987
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.613.176.121	11.975.333.279
- Nguyên giá	222		46.876.134.229	44.032.749.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.262.958.108)	(32.057.416.157)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.751.328.336	2.054.051.708
- Nguyên giá	228		6.912.392.093	7.500.392.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.161.063.757)	(5.446.340.385)
Bất động sản đầu tư	230	13	15.680.620.000	237.505.038.111
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	237.505.038.111
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		81.100.000	344.327.273
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	344.327.273
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	81.100.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	17.886.079.509	18.547.338.408
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.780.546.437	15.481.757.993
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		7.264.044.944	7.264.044.944
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(5.158.511.872)	(4.198.464.529)
Tài sản dài hạn khác	260		695.833.408	649.163.660
Chi phí trả trước dài hạn	261		695.833.408	649.163.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		586.243.314.601	858.300.077.405

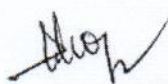
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		260.549.045.740	526.707.267.642
Nợ ngắn hạn	310		257.912.185.894	522.610.577.368
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	118.319.807.599	83.866.346.925
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.188.304.065	43.737.715.977
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.207.085.602	5.578.106.284
Phải trả người lao động	314		14.208.768.437	6.411.249.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.026.793.496	469.051.818
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.237.441.780	262.858.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	79.937.196.603	256.073.345.039
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	3.786.788.312	126.211.903.425
Nợ dài hạn	330		2.636.859.846	4.096.690.274
Phải trả dài hạn khác	337	17	920.016.820	900.332.622
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	1.776.577	149.455.892
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.715.066.449	3.046.901.760
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		325.694.268.861	331.592.809.763
Vốn chủ sở hữu	410	20	325.694.268.861	331.592.809.763
Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		116.974.517.100	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415		(38.762.556.372)	(60.144.990.832)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.263.017.149	10.556.889.715
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		729.296.215	8.707.213.610
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.533.720.934	1.849.676.105
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	(275.850.104)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		586.243.314.601	858.300.077.405

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập



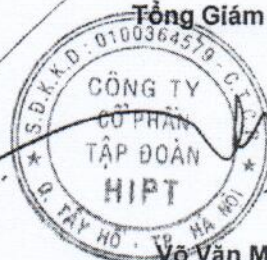
Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



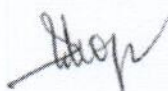
Võ Văn Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	721.812.793.848	589.523.890.077
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	26.446.800	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		721.786.347.048	589.523.890.077
Giá vốn hàng bán	11	23	641.221.284.921	518.039.065.985
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.565.062.127	71.484.824.092
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.178.759.041	2.850.849.243
Chi phí tài chính	22	25	7.644.997.165	2.128.485.527
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.715.499.844	2.081.082.327
Lãi/(Lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24		1.916.629.292	1.151.682.941
Chi phí bán hàng	25	26	43.125.040.074	39.984.938.620
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	31.478.994.086	32.308.665.720
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.411.419.135	1.065.266.409
Thu nhập khác	31	28	2.168.716.670	2.708.863.098
Chi phí khác	32	29	307.587.916	7.530.393
Lợi nhuận khác	40		1.861.128.754	2.701.332.705
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.272.547.889	3.766.599.114
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.886.506.270	1.334.318.269
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(147.679.315)	582.604.739
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.533.720.934	1.849.676.106
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		1.533.720.934	1.849.676.106
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	83	94

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập



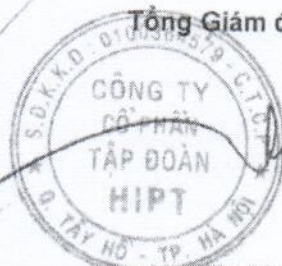
Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.272.547.889	3.766.599.114
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		1.768.632.756	2.509.007.777
Các khoản dự phòng	03		960.047.343	1.416.287.227
Lãi lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.501.882)	(785.454.873)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(132.900.898)	(1.461.055.653)
Chi phí lãi vay	06		2.715.499.844	2.081.082.327
Lãi/Lỗ thuần từ đầu tư vào Công ty liên kết	07		(1.916.629.292)	(1.151.682.941)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.656.695.760	6.374.782.978
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.133.876.828)	(99.443.655.472)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.574.250.604)	(8.627.095.068)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		107.735.634.603	199.751.733.993
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(46.669.748)	28.855.933
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.715.499.844)	(2.081.082.327)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.537.726.879)	(1.637.140.098)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		389.708.820	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(375.454.823)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		81.398.560.457	94.366.399.939
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.146.769.818)	(237.831.738.111)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		33.432.292.285	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(404.169.872)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		509.234.715	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		1.565.200.819	2.883.389.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.359.958.001	(233.352.518.023)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

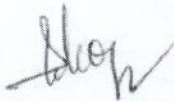
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		179.779.469.591	241.301.903.298
Tiền trả nợ gốc vay	34		(302.204.584.704)	(115.135.199.873)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.481.497.750)	(26.519.400)
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(129.787.131.303)	126.140.184.025
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.028.612.845)	(12.845.934.059)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	115.385.536.635	128.229.446.949
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.906.631	2.023.745
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	99.367.830.421	115.385.536.635

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập



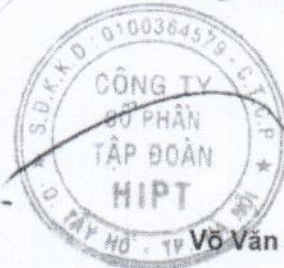
Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Tổng Giám đốc 



Võ Văn Mai